

Số: 104/2024/QĐST- DSST

Mỹ Đức, ngày 17 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 370 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST - DSST ngày 10 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P (Viết tắt: OCB)

Địa chỉ: Số D và D L, phường B, quận A, TP.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Tuyết N - Giám đốc RB kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh T4 (Văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2023)

Người đại diện theo uỷ quyền lại của bà N tham gia tố tụng là ông Vũ Xuân T1 - chuyên viên thu hồi nợ của O (Văn bản uỷ quyền ngày 29/1/2024)

* **Bị đơn:** - Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961

Đều trú tại: xóm A, xã H, huyện M, TP.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông S và bà L là anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986 (Văn bản uỷ quyền ngày 16/4/2024).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986 (con trai ông S, bà L)

- Chị Phạm Thị D, sinh năm 1987 (vợ anh T2)

- Cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 08/9/2008 (con anh T2 chị D)

- Cháu Nguyễn Trúc L1, sinh ngày 04/3/2011 (con anh T2 chị D)

- Cháu Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 29/12/2012(con anh T2 chị D)
Đều trú tại: xóm A, xã H, huyện M, TP .

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1, Về xác nhận nợ: Ngân hàng TMCP P (O) và bị đơn (ông S và bà L) xác nhận: Ngày 28/5/2020, OCB cùng ông Nguyễn Văn S và vợ là bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 0087/2020/HĐTD-OCB-CN và khế ước nhận nợ số 0087/2020/KUNN-OCB-CN cùng ngày 28/5/2020, với số tiền cho vay 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*); thời hạn vay 120 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; mục đích sử dụng: vay tiêu dùng; lãi suất trong 03 tháng đầu là 11%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 28/8/2020 theo công thức: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2). Trong đó: Lãi suất cơ sở (1) là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất được OCB ban hành từng thời kỳ; Biên độ lãi suất (2) tối thiểu 4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Bên vay trả nợ gốc định kỳ hàng tháng vào ngày 15 của tháng, số tiền mỗi kỳ trả là 10.000.000đ. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/6/2020. OCB đã giải ngân đủ số tiền cho vay 1.200.000.000đ cho ông S và bà L bằng Khế ước nhận nợ số 0087/2020/KUNN-OCB-CN ngày 28/5/2020. Tính đến ngày 09/5/2024, ông S và bà L còn nợ OCB tổng số nợ là 809.196.779đ (*Tám trăm linh chín triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng*); trong đó, nợ gốc 769.935.353đ, nợ lãi trong hạn 5.568.000đ, nợ lãi quá hạn 33.693.426đ.

2.2, Về phương thức trả nợ: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả nợ OCB số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2024 là 809.196.779đ (*Tám trăm linh chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng*); trong đó, nợ gốc 769.935.353đ, nợ lãi trong hạn 5.568.000đ, nợ lãi quá hạn 33.693.426đ. Thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

- Lần 1: Chậm nhất ngày 05/6/2024 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 2: Chậm nhất ngày 05/7/2024 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 3: Chậm nhất ngày 05/8/2024 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 4: Chậm nhất ngày 05/9/2024 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 5: Chậm nhất ngày 05/10/2024 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 6: Chậm nhất ngày 05/11/2024 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 7: Chậm nhất ngày 05/12/2024 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 8: Chậm nhất ngày 05/01/2025 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 9: Chậm nhất ngày 05/02/2025 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 10: Chậm nhất ngày 05/3/2025 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 11: Chậm nhất ngày 05/4/2025 trả 5.000.000đ tiền nợ gốc;
- Lần 12: Chậm nhất ngày 05/5/2025 tất toán toàn bộ nợ gốc còn lại, tiền lãi và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc.

2.3, Về nghĩa vụ và hậu quả nếu không thực hiện theo thỏa thuận:

- Nếu bị đơn (ông S và bà L) không trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc vi phạm thời hạn trả nợ của bất kỳ lần nào theo phương thức trả nợ (2.2,) nói trên thì Ngân hàng TMCP P (O) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có

thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa số 40^d; Tờ bản đồ số 5; diện tích 147m²; địa chỉ xóm A, xã H, huyện M, TP. Giấy chứng nhận QSDĐ số A594033, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 01703/QSDĐ/MĐ do UBND huyện M cấp ngày 26/3/1991 đứng tên ông Nguyễn Văn S. Tài sản này đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ số công chứng số 05136/2019/HĐTC, Quyền số 01/2019/TP/CC/SCC/HĐGD ngày 07/11/2019 giữa OBC với ông Nguyễn Văn S tại Văn phòng C, TP. và đã được đăng ký tài sản bảo đảm, để thu hồi nợ.

- Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay tại O. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả cho chủ tài sản thế chấp. Nếu tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm có người khác đang thực tế sống cùng thì cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

2.4, Về lãi suất: Kể từ ngày 10/5/2024, bị đơn (ông S và bà L) tiếp tục phải chịu lãi suất theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết trên sổ dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.5, Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn (ông S và bà L) chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.137.850đ (Mười tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng). Do ông S và bà L đều là người cao tuổi, đều có đơn xin miễn án phí nên miễn phần nghĩa vụ chịu án phí của ông bà là 9.068.900đ (Chín triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm đồng); ông S và bà L còn phải nộp 9.068.900đ (Chín triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả OCB 17.920.000đ (Mười bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức (theo Biên lai số 0007808 ngày 10/4/2024).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Kiến

